

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Trà Bình, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án Chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng
(Thuộc Dự án 2, nguồn vốn Chương trình MTQG GNBV năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng

Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, đối ứng ngân sách tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc ủy quyền phê duyệt dự án các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 120b/BC-TTĐ ngày 16/8/2024 của Tổ Thẩm định dự án hồ sơ đề xuất dự án các hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng đề xuất và bộ phận giúp việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng về báo cáo kết quả thẩm định Dự án chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình;

Theo đề nghị của bộ phận Địa chính NN-XD&MT xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình (*Thuộc Dự án 2, nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024*), gồm các nội dung như sau:

1. Tên Dự án: Dự án chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình.

2. Thời gian thực hiện dự án: 24 tháng, thời gian bắt đầu tháng 8/2024; kết thúc tháng 8/2026.

3. Địa bàn thực hiện: thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối tượng tham gia dự án:

Tổng số hộ tham gia dự án 15 hộ, trong đó 14 hộ được hỗ trợ (14 cận nghèo), đối tượng đảm bảo theo quy định tại điểm 5, khoản 11, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ. *(cụ thể có danh sách kèm theo)*

5. Quy mô thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 33 con bò cái lai Zebu cho 14 hộ tham gia dự án.

6. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp con giống cho các hộ tham gia.

7. Phương án mua sắm, giống, vật tư, đầu mối thực hiện việc mua sắm:

Đại diện Nhóm cộng đồng ủy quyền cho UBND xã thực hiện phương án mua sắm con giống (thuộc nguồn vốn Nhà nước): Thực hiện việc mua sắm là tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao con giống (bò cái lai zebu sinh sản) cho đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với đại diện cộng đồng theo tại khoản 2, điều 3, Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025.

8. Kinh phí và nguồn kinh phí:

8.1 Tổng nguồn kinh phí thực hiện Dự án:

***Tổng kinh phí thực hiện dự án: 979.240.000 đồng** (Chín trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó:

- Ngân sách nhà nước: **575.000.000 đồng** (Năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng) chiếm tỷ lệ 58,72% tổng kinh phí dự án. Gồm các nội dung chi tiết sau:

+ Kinh phí mua con giống: **544.500.000 đồng** (Năm trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Kinh phí cho cán bộ theo dõi trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: **2.200.000 đồng** (Hai triệu hai trăm ngàn đồng).

+ Kinh phí tập huấn: **2.980.000 đồng** (Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Chi phí quản lý dự án: **25.320.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

- Ngân sách người dân đối ứng của hộ dân bằng hiện vật được tính thành tiền: **404.240.000 đồng** (Bốn trăm lẻ bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) chiếm tỷ lệ 41,28% tổng kinh phí dự án.

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Ghi chú: Đơn giá con giống và vật tư (thức ăn, thuốc thú y...) tại chứng thư thẩm định giá số 240185/CNQ.N.VIETTINJSC ngày 28/6/2024 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín là giá trần, tham khảo để xây dựng dự án. Trong quá trình thực hiện

dự án, đơn vị thực hiện lựa chọn đơn vị cung ứng có giá cả phù hợp để cung ứng giống và vật tư cho hộ tham gia dự án.

8.2. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Thực hiện tại Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, đối ứng ngân sách tỉnh); Nguồn kinh phí ngân sách địa phương khi được cấp có thẩm quyền bố trí theo dự kiến kinh phí đối ứng từ ngân sách huyện.

9. Các hoạt động chính của dự án, gồm các hoạt động sau:

9.1. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật: Số lần tập huấn 1 lần, số người tham gia 14 người. Định mức chi thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính và Nghị quyết 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

9.2. Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống vật nuôi, gồm:

a. Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Bò cái giống: Số lượng 33 con bò cái lai Zebu, tiêu chuẩn bò cái lai zebu đảm bảo theo quy định tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: Trọng lượng hỗ trợ con bò cái lai Zebu ≥ 150 kg/con, bò khỏe mạnh, không dị tật, dị hình, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, đủ tiêu chuẩn làm giống.

b. Phần đối ứng của hộ tham gia dự án: Chuồng trại, thức ăn xanh, thức ăn tinh..., nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án do UBND xã Trà Bình, nhóm trưởng nhóm cộng đồng, cán bộ phụ trách theo dõi dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng theo quy định trước khi cấp con giống.

9.3. Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật theo dõi trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:

Nội dung, định mức chi theo điểm a, khoản 3, Điều 12, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

9.4. Chi phí xây dựng và quản lý dự án: Nội dung, định mức chi theo khoản 13, Điều 4, Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

10. Hội nghị tổng kết dự án: Sau khi kết thúc dự án tháng 8/2026, nhóm cộng đồng phối hợp với UBND xã tổ chức tổ chức tổng kết nhằm đánh giá kết quả thực hiện dự án.

11. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ trong cộng đồng.

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ % quay vòng vốn: Là 15% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức kinh phí thu hồi: $575.000.000 \text{ đồng} \times 15\% = 86.250.000 \text{ đồng}/14 \text{ hộ}$ (số tiền thu hồi để quay vòng, sẽ được chuẩn xác sau khi kết thúc thực hiện các hoạt động chi của dự án), cụ thể số tiền của từng hộ được thể hiện trong danh sách kèm theo.

- Thời gian thu hồi (nộp tiền quay vòng): Sau khi kết thúc dự án 01 tháng, (25 tháng thực hiện dự án) hộ tham gia có trách nhiệm nộp số tiền quay vòng theo quy định.

- Cách thức quản lý tiền luân chuyển: UBND xã mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước để sử dụng quay vòng theo quy định, nhóm trưởng có trách nhiệm thu và nộp vào tài khoản tiền gửi của UBND xã. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trình tự luân chuyển, quay vòng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

12. Xử lý vi phạm. Mỗi hộ tham gia dự án thực hiện đúng cam kết. Trường hợp cộng đồng dân cư và các đối tượng tham gia dự án vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan, UBND xã phối hợp với Trưởng nhóm cộng đồng và Trưởng thôn tiến hành lập biên bản, có biện pháp xử lý phù hợp hoặc đề nghị bồi thường toàn bộ kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

13. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp

13.1. Trách nhiệm của UBND xã Trà Bình (đơn vị chủ đầu tư)

- Trên cơ sở kết quả thẩm định dự án của Tổ thẩm định, Chủ tịch UBND xã Trà Bình phê duyệt dự án để triển khai thực hiện; Thông báo nội dung dự án đến cộng đồng dân cư để biết và thực hiện.

- UBND xã ký hợp đồng, chịu trách nhiệm mua con giống để cấp cho các hộ dân.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về đối tượng, đơn giá con giống, vật tư và định mức chi cho các hoạt động của dự án.

- Mở tài khoản tiền gửi của đơn vị tại kho bạc nhà nước để quản lý số tiền quay vòng của cộng đồng dân cư theo quy định và mở sổ theo dõi theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển, thực hiện công khai tài chính đối với việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

- Giám sát theo dõi các hoạt động của dự án do cộng đồng dân cư thực hiện đảm bảo theo quy định, phối hợp với cộng đồng dân cư có biện pháp xử lý đối với các hộ dân thực hiện không đúng các nội dung như đã cam kết.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức theo dõi dự án phải tổ chức kiểm tra, hướng dẫn về kỹ thuật làm chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng bò sinh sản cho các hộ dân tham gia dự án trước khi cấp phát con giống; phải thường xuyên

kiểm tra, giám sát việc chăm sóc vật nuôi của từng hộ dân tham gia dự án, tuyệt đối không để xảy ra trường hợp người dân tự ý bán con giống khi chưa có ý kiến của chính quyền địa phương.

- Kết thúc dự án, chủ đầu tư phải có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Dự án gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện và UBND huyện biết để theo dõi và chỉ đạo.

13.2. Nhóm trưởng nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình

- Nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án khi được phê duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

- Có trách nhiệm thu hồi tiền quay vòng của hộ tham gia dự án, quản lý tổ chức thực hiện việc quay vòng, để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý thì báo cáo UBND xã biết để cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, kinh phí đối ứng của hộ tham gia dự án.

13.3. Trách nhiệm của các hộ tham gia dự án

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án, trong đó cam kết nộp số tiền quay vòng theo dự án đã được phê duyệt để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.

- Thực hiện làm chuồng, chăm sóc bò theo đúng hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật theo dõi dự án.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. UBND xã, Ban quản lý các Chương trình MTQG xã, các Hội đoàn thể chính trị xã, công chức phụ trách các lĩnh vực có liên quan, Nhóm trưởng nhóm cộng đồng, Trưởng thôn và các hộ dân tham gia dự án căn cứ nội dung có liên quan tổ chức thực hiện.

2. UBND xã Trà Bình:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về định mức hỗ trợ, đối tượng tham gia dự án; chất lượng, chủng loại, số lượng bò giống; hướng dẫn quy trình chăm sóc và nuôi cho các hộ dân tham gia dự án.

- Sau khi kết thúc dự án chịu trách nhiệm thu hồi vốn của người dân theo quy định; hướng dẫn người dân tiếp tục phát triển dự án có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn phòng – Thống kê; Tài chính – Kế toán, Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã; nhóm cộng đồng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân, xã Trà Bình và các ban, ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND huyện (B/cáo);
- Kho bạc Nhà nước huyện Trà Bồng;
- Các Phòng: TC-KH, LĐ-TB&XH, NN&PTNT huyện;
- Lãnh đạo Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Mặt trận và các Hội đoàn thể xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Trưởng thôn Bình Trung và thôn Bình Tân;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Phi

**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI ZEBU SINH SẢN
DO NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN BÌNH TRUNG VÀ THÔN BÌNH TÂN THỰC HIỆN**

Dự án 2 - Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của UBND xã Trà Bình)

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó			Ghi chú
						NSNN hỗ trợ		Vốn đối ứng của hộ tham gia dự án	
						Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
I	Tập huấn kỹ thuật				2,980,000	2,980,000		0	
1	Phô tô tài liệu và VPP	bộ	14	30,000	420,000			0	
2	Giải khát giữa giờ, nước uống	Suất	14	40,000	560,000			0	
3	Báo cáo viên	Người	1	600,000	600,000			0	
4	Tiền ăn	Người	14	100,000	1,400,000			0	
II	Hỗ trợ con giống, vật tư				948,740,000	470,000,000	74,500,000	404,240,000	
1	Bò cái lai, trọng lượng 150kg/con	Con	33	16,500,000	544,500,000	470,000,000	74,500,000	0	
2	Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi (chuồng đôi)	Chuồng	14	7,000,000	98,000,000			98,000,000	
	Thức ăn chăn nuôi (540kg/con)	kg	17820	17,000	302,940,000			302,940,000	
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	33	100,000	3,300,000			3,300,000	
III	Chi hỗ trợ cán bộ hướng dẫn tại hộ	Ngày	22	100,000	2,200,000	2,200,000		0	
IV	Chi phí quản lý dự án	đồng			25,320,000	24,820,000	500,000	0	
TỔNG CỘNG					979,240,000	500,000,000	75,000,000	404,240,000	

Tổng kinh phí 979,240,000 đồng
 Ngân sách nhà nước 575,000,000 đồng, tỷ lệ: 58.72%
 Hộ dân đối ứng 404,240,000 đồng, tỷ lệ: 41.28 %

DANH SÁCH
HỘ THAM GIA DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI ZEBU SINH SẢN
CỦA NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN BÌNH TRUNG VÀ THÔN BÌNH TÂN, XÃ TRÀ BÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của UBND xã Trà Bình)

TT	Họ và tên	Địa chỉ		Năm sinh	Đối tượng	Nội dung và số lượng hỗ trợ (bò cái lai)	Kinh phí quay vòng (đồng)
1	Đỗ Tấn Quang (Nhóm trưởng)	KDC 6	Thôn Bình Tân	1969			
2	Phan Văn Bé	KDC 5	Thôn Bình Tân	1973	Cận nghèo 78	3	7,751,786
3	Nguyễn Văn Thơm	KDC 5	Thôn Bình Tân	1983	Cận nghèo 79	3	7,751,786
4	Phan Thị Oanh	KDC 5	Thôn Bình Tân	1982	Cận nghèo 80	2	5,276,786
5	Nguyễn Tấn Tri	KDC 5	Thôn Bình Tân	1960	Cận nghèo 82	2	5,276,786
6	Phan Ngọc Hạnh	KDC 5	Thôn Bình Tân	1979	Cận nghèo 88	3	7,751,786
7	Nguyễn Thanh Sơn	KDC 6	Thôn Bình Tân	1969	Cận nghèo 91	2	5,276,786
8	Trương Quang Tánh	KDC 6	Thôn Bình Tân	1972	Cận nghèo 103	2	5,276,786

9	Nguyễn Văn Thảo	KDC 7	Thôn Bình Tân	1981	Cận nghèo 117	3	7,751,786
10	Bạch Văn Hiến	KDC 7	Thôn Bình Tân	1971	Cận nghèo 132	3	7,751,786
11	Phạm Quốc Hùng	KDC 8	Thôn Bình Trung	1955	Cận nghèo 192	2	5,276,786
12	Nguyễn Thanh Hùng	KDC 11	Thôn Bình Trung	1980	Cận nghèo 193	2	5,276,786
13	Phạm Tấn Sáu	KDC 11	Thôn Bình Trung	1979	Cận nghèo 194	2	5,276,786
14	Nguyễn Tấn Quát	KDC 11	Thôn Bình Trung	1955	Cận nghèo 201	2	5,276,786
15	Nguyễn Minh Quang	KDC 11	Thôn Bình Trung	1996	Cận nghèo 203	2	5,276,786
Tổng cộng: 15 hộ						33	86,250,000